



PHỤ LỤC 1
BẢNG CHẤM ĐIỂM ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI
CHẤT LƯỢNG VIÊN CHỨC HÀNG NĂM

Kèm theo Quy chế ban hành tại Quyết định số 34/QĐ-THVP4 ngày 03/5/2026

| STT | Nội dung đánh giá | Điểm tối đa | Điểm tự chấm | Điểm tổ đề xuất | Điểm HT quyết định |
|------------|--|-------------|--------------|-----------------|--------------------|
| I | Chính trị tư tưởng | 10 | | | |
| 1 | Chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước | 5 | | | |
| 2 | Có lập trường tư tưởng vững vàng, chấp hành sự phân công của tổ chức | 5 | | | |
| II | Đạo đức, lối sống | 15 | | | |
| 1 | Giữ gìn phẩm chất đạo đức nhà giáo, lối sống lành mạnh | 7 | | | |
| 2 | Trung thực, trách nhiệm, đoàn kết, không gây mất đoàn kết nội bộ | 5 | | | |
| 3 | Giao tiếp đúng mực với học sinh, cha mẹ học sinh, đồng nghiệp | 3 | | | |
| III | Tác phong, lề lối làm việc | 10 | | | |
| 1 | Làm việc có kế hoạch, đúng tiến độ, có tinh thần phối hợp | 5 | | | |
| 2 | Thực hiện tác phong sư phạm, nề nếp, kỷ cương trường học | 5 | | | |
| IV | Ý thức tổ chức kỷ luật | 15 | | | |
| 1 | Chấp hành nội quy, quy chế, giờ giấc, chế độ báo cáo | 6 | | | |
| 2 | Thực hiện đầy đủ hồ sơ, sổ sách, quy định chuyên môn | 5 | | | |
| 3 | Chấp hành phân công của Hiệu trưởng, tổ chuyên môn | 4 | | | |
| V | Kết quả thực hiện nhiệm vụ | 50 | | | |
| 1 | Hoàn thành kế hoạch giảng dạy, giáo dục, công tác chủ nhiệm/nhiệm vụ được giao | 15 | | | |

| | | | | | |
|---|--|------------|--|--|--|
| 2 | Chất lượng học sinh, kết quả đánh giá học sinh theo quy định hiện hành | 10 | | | |
| 3 | Hồ sơ chuyên môn, kế hoạch bài dạy, kế hoạch giáo dục | 8 | | | |
| 4 | Tham gia sinh hoạt chuyên môn, phong trào, hoạt động tập thể | 5 | | | |
| 5 | Kết quả kiểm tra nội bộ, dự giờ, đánh giá chuyên môn | 7 | | | |
| 6 | Thực hiện nhiệm vụ đột xuất, nhiệm vụ kiêm nhiệm nếu có | 5 | | | |
| | Tổng cộng | 100 | | | |

Quy đổi điểm xếp loại:

| Tổng điểm | Mức đề xuất |
|------------------------|------------------------------|
| Từ 90 điểm trở lên | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ |
| Từ 70 đến dưới 90 điểm | Hoàn thành tốt nhiệm vụ |
| Từ 50 đến dưới 70 điểm | Hoàn thành nhiệm vụ |
| Dưới 50 điểm | Không hoàn thành nhiệm vụ |

Lưu ý áp dụng: Điểm số là căn cứ nội bộ để lượng hóa mức độ hoàn thành; việc xếp loại cuối cùng phải đối chiếu đầy đủ điều kiện, tiêu chí và các trường hợp hạn chế mức xếp loại theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP, Nghị định 48/2023/NĐ-CP.